TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 01 năm 2018
V/v ly hôn giữa anh D và chị K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Việt
2. Bà Đặng Thúy Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2017/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2017/QĐXX-ST ngày 12 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1982, địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lệnh Thị K, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn P, địa chỉ: Tiểu khu 9, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La.

2. Ông Lệnh Văn M và bà Lò Thị T, địa chỉ: Bản TB, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D trình bày như sau:

Anh D và chị K kết hôn với nhau từ ngày 05.11.2010 do cả hai cùng tự nguyện tìm hiểu, không bị ép buộc. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 05.11.2010 và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị về sống cùng bố đẻ của anh D tại tiểu khu 8, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian khoảng 05 năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn là do không hiểu nhau, cuộc sống không hòa hợp. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình vô cùng nặng nề, không tìm được tiếng nói chung, không hạnh phúc. Vì vậy, đến tháng 4.2016, anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Mặc dù đã được hai bên gia đình và bản thân anh chị cố gắng hòa giải để quay về đoàn tụ cùng nhau chăm sóc con cái nhưng chị K không thay đổi. Sau khi ly thân, chị K có thuê nhà ở khu vực thị trấn HL để ở, anh chị thỉnh thoảng cũng có liên lạc với nhau. Nhưng từ tháng 12/2016 đến nay, chị K đưa con về nhà bố mẹ đẻ của chị K ở CM để con cho ông bà chăm sóc, rồi đi đâu, làm gì chị K không thông báo cho anh biết. Đến 02/4/2017, do lo lắng cho con không được bố mẹ chăm sóc nên anh D đã vào CM để đón cháu ra ngoài nhà để tiện chăm sóc, đồng thời cũng muốn cho cháu đi học ở ngoài thị trấn. Bố mẹ chị K cũng không cho biết chị K đang ở đâu chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Nhưng đến ngày 27/4/2017 thì chị K cùng với một số người đến nhà giành lấy con mang đi, còn xô ngã làm bố anh D bị gãy tay. Sự việc anh D cũng đã trình báo tiểu khu và được tiểu khu lập biên bản. Từ đó đến nay, anh D không thể liên lạc được với chị K.

Anh D thấy chị K không thay đổi, anh chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nên anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Hiếu Bảo N, sinh ngày 11/02/2012. Khi ly thân, cháu ở với mẹ. Nhưng sau đó chị K bỏ đi, không chăm sóc cháu mà lại để ông bà ngoại chăm. Vì vậy, nguyện vọng của anh là đề nghị tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu. Nguồn thu nhập chính của anh là từ công việc dịch vụ rửa xe. Thu nhập không cao nhưng ổn định, và anh có đủ thời gian để chăm sóc cháu. Anh không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung của vợ chồng: Anh chị không có tài sản gì chung.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, căn cứ vào đơn đề nghị của nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo thủ tục tố tụng dân sự. Cụ thể: đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương (tiểu khu 9, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La), lấy lời khai của bố đẻ anh D là ông Nguyễn P và bố mẹ chị Lệnh Thị K là ông Lệnh Văn M và bà Lò Thị T về tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh D, chị K, về các vấn đề con chung, tài

sản chung, nợ chung, cũng như nơi cư trú của chị Lệnh Thị K, Nội dung cụ thể thống nhất như sau:

Về tình cảm: Gia đình bị đơn và chính quyền địa phương xác nhận, anh D và chị K kết hôn với nhau từ năm 2010 do hai bên tự nguyện, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Đến tháng 4/2016, hai vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay anh D có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, anh D và chị K có một con chung là cháu Nguyễn Hiếu Bảo N, sinh ngày 11/02/2012. Sau khi ly thân cháu N ở với chị K được một thời gian ngắn, sau đó thì ở cùng với ông M và bà T. Hiện nay cháu N đang được ông M và bà T chăm sóc. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông M và bà T không có ý kiến gì về việc giao con cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng vì ông bà cũng chỉ được chị K nhờ chăm sóc cháu hộ.

Về tài sản chung: Đại diện chính quyền địa phương và bố đẻ của anh D là ông Nguyễn P cho biết, sau khi hai vợ chồng anh D, chị K kết hôn có sinh sống ở cùng gia đình ông P. Thu nhập của hai vợ chồng chỉ đủ sinh hoạt tối thiểu của vợ chồng và chăm con, chưa làm ra tài sản chung hoặc đóng góp gì vào tài sản của gia đình.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện MS nhiều lần triệu tập chị K đến Tòa để giải quyết, nhưng chị K không đến tòa, và cũng không thông báo địa chỉ cho gia đình và anh D biết nhằm mục đích giấu địa chỉ, trốn tránh gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của anh D. Tòa án nhân dân huyện MS đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú, và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo yêu cầu của anh D nhưng chị K vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Tiến D đối với chị Lệnh Thị K Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hiếu Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, chấp nhận việc anh D không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: không có. Anh D phải chịu án phí đân sự sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Tiến D đã cung cấp đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn chị Lệnh Thị K trong đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên bị đơn chị K thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ cho gia đình và anh D biết, chị K cũng không làm thủ tục tạm vắng, hay chuyển khẩu đến nơi khác. Chị K cũng thường xuyên liên lạc về nhà bố mẹ đẻ nhưng không cho biết số điện thoại cố định hay liên lạc cũng như không cho biết chị đang ở đâu, làm gì. Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt, niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu cho chị K, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng chị K vẫn vắng mặt không lý do.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 189, Điều 195 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 6 Điều 9 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân huyện MS tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện MS đã triệu tập hợp lệ đối với chị Lệnh Thị K trong việc tham gia phiên tòa, chị K vắng mặt lần hai nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 228 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định chung.

Trước khi mở phiên tòa, Tòa án xác định ông Lệnh Văn M và bà Lò Thị T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án do ông M và bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của vợ chồng anh D và chị K. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông M và bà T mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 vẫn vắng mặt, và trong nội dung xác minh ông M và bà T không có ý kiến gì về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, Tòa án giao con cho anh D hay chị K chăm

sóc, nuôi dưỡng ông bà cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, HĐXX xác định ông M và bà T là người làm chứng trong vụ án.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Nguyễn Tiến D và chị Lệnh Thị K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2010, anh chị đã được UBND thị trấn HL, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05.11.2010, khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ khi sống ly thân chị K cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với anh D. Cho đến nay, anh chị không còn tình cảm vợ chồng. Nay anh D đề nghị Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng được ly hôn. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương và bố đẻ của anh D là ông Nguyễn P cùng những người biết sự việc đã xác định: tính tình của chị K không hợp với gia đình anh dũng. Thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, do đó đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D được ly hôn với chị K.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị K mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh D, xử cho anh Nguyễn Tiến D được ly hôn với chị Lệnh Thị K.

[2.2] Về con chung: Quá trình hôn nhân anh D và chị K có 01 con chung là cháu Nguyễn Hiếu Bảo N, sinh ngày 11/02/2012. Mặc dù khi ly thân, cháu Nguyễn Hiếu Bảo N do chị K trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Nhưng sau đó chị K giao cháu N cho ông M và bà T nuôi dưỡng. Chị K không có nơi cư trú ổn định, cố tình không cho người nhà, anh D biết địa chỉ. Anh D đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con, không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, cần thiết giao cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận anh D không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung: Căn cứ vào toàn bộ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và qua điều tra xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng, xác định: Sau khi anh D và chị K kết hôn với nhau năm 2010, hai vợ chồng sống chung với nhau tại nhà bố đẻ của anh D, đến tháng 4.2016, hai vợ chồng ly thân, nay không có tài sản gì chung.

[2.4] Về nợ chung: Không có.

[2.5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 147; Điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến D và chị Lệnh Thị K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hiếu Bảo N, sinh ngày 11/02/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D do anh D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị K được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh D được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04625 ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND thị trấn HL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga